

Số: 105/2025/QĐ-UBND

Bắc Ninh, ngày 17 tháng 12 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Quy định xác định chi phí và quản lý dịch vụ công
lĩnh vực xây dựng trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 87/2025/QH15;

Căn cứ Luật Xây dựng số 50/2014/QH13; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng số 62/2020/QH14;

Căn cứ Luật Đấu thầu số 22/2023/QH15; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đấu thầu, Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư, Luật Hải quan, Luật Thuế giá trị gia tăng, Luật Thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu, Luật Đầu tư, Luật Đầu tư công, Luật Quản lý, sử dụng tài sản công số 90/2025/QH15;

Căn cứ Luật Giá số 16/2023/QH15;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước số 89/2025/QH15;

Căn cứ Nghị định số 32/2019/NĐ-CP của Chính phủ Quy định giao nhiệm vụ, đặt hàng hoặc đấu thầu cung cấp sản phẩm, dịch vụ công sử dụng ngân sách nhà nước từ nguồn kinh phí chi thường xuyên;

Căn cứ Nghị định số 60/2021/NĐ-CP của Chính phủ Quy định cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập; Nghị định số 111/2025/NĐ-CP của Chính phủ Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21 tháng 6 năm 2021 của Chính phủ Quy định cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập;

Căn cứ Nghị định số 10/2021/NĐ-CP của Chính phủ Về quản lý chi phí đầu tư xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 214/2025/NĐ-CP của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu;

Căn cứ Nghị định số 79/2009/NĐ-CP của Chính phủ Về quản lý chiếu sáng đô thị;

Căn cứ Nghị định số 80/2014/NĐ-CP của Chính phủ Về thoát nước và xử lý nước thải;

Căn cứ Nghị định số 23/2016/NĐ-CP của Chính phủ Về xây dựng, quản lý, sử dụng nghĩa trang và cơ sở hỏa táng;

Căn cứ Nghị định số 258/2025/NĐ-CP của Chính phủ Về quản lý công viên, cây xanh, mặt nước;

Căn cứ Thông tư số 13/2018/TT-BXD của Bộ trưởng Bộ Xây dựng Hướng dẫn phương pháp định giá dịch vụ thoát nước;

Căn cứ Thông tư số 14/2018/TT-BXD của Bộ trưởng Bộ Xây dựng Hướng dẫn phương pháp định giá dịch vụ nghĩa trang và dịch vụ hoả táng;

Căn cứ Thông tư số 12/2024/TT-BXD của Bộ trưởng Bộ Xây dựng Hướng dẫn phương pháp xác định và quản lý chi phí dịch vụ sự nghiệp công chiếu sáng đô thị, cây xanh đô thị;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Xây dựng tại Tờ trình số 103/TTr-SXD ngày 01 tháng 12 năm 2025;

Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Ninh ban hành Quyết định Quy định xác định chi phí và quản lý dịch vụ công lĩnh vực xây dựng trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh.

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định xác định chi phí và quản lý dịch vụ công lĩnh vực xây dựng trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 28 tháng 12 năm 2025.

Điều 3. Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã; các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Vụ Pháp luật - Văn phòng Chính phủ;
- Vụ Pháp chế - Bộ Xây dựng;
- Cục Kiểm tra văn bản và QLXLVPHC - Bộ Tư pháp;
- TT. Tỉnh ủy, TT. HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- VP Tỉnh ủy, các Ban của Đảng;
- VP Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh;
- Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh;
- Các cơ quan, sở, ban, ngành cấp tỉnh;
- UBND các xã, phường trên địa bàn tỉnh;
- Văn phòng UBND tỉnh: LĐVP, KTN, THĐT, KTTH, TTTT tỉnh (đăng công báo);
- Lưu: VT, KTN_{Tùng}.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Phạm Văn Thịnh

QUY ĐỊNH**Xác định chi phí và quản lý dịch vụ công****lĩnh vực xây dựng trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh**

(Ban hành kèm theo Quyết định số 105/2025/QĐ-UBND ngày 17/12/2025 của UBND tỉnh)

Chương I**QUY ĐỊNH CHUNG****Điều 1. Phạm vi điều chỉnh**

Quy định này áp dụng cho việc xác định chi phí và quản lý dịch vụ sự nghiệp công, dịch vụ công ích đô thị (sau đây gọi là dịch vụ công) sử dụng ngân sách nhà nước từ nguồn kinh phí chi thường xuyên trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh, bao gồm:

1. Các dịch vụ công ích đô thị:

a) Dịch vụ duy trì hệ thống thoát nước; xử lý nước thải tại các đô thị, khu công nghiệp, khu dân cư nông thôn tập trung.

b) Dịch vụ tang lễ, nghĩa trang đô thị.

2. Các dịch vụ sự nghiệp công đô thị:

a) Dịch vụ thu gom, phân loại, vận chuyển, xử lý chất thải, vệ sinh công cộng.

b) Dịch vụ quản lý công viên, cây xanh, mặt nước; trồng và quản lý chăm sóc cây xanh, hoa cảnh trên các khu vực công cộng, mảng xanh đô thị, trụ sở các cơ quan hành chính cấp tỉnh, cấp xã.

c) Dịch vụ duy trì hệ thống chiếu sáng đô thị.

3. Các dịch vụ sự nghiệp công thuộc lĩnh vực xây dựng khác: Bao gồm các dịch vụ công thuộc lĩnh vực xây dựng nằm trong danh mục do Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành, trừ các dịch vụ sự nghiệp công, dịch vụ công ích đô thị quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Ủy ban nhân dân cấp xã, cơ quan trực thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh được giao nhiệm vụ, đặt hàng, đấu thầu cung cấp dịch vụ công, dịch vụ công ích lĩnh vực xây dựng sử dụng ngân sách nhà nước từ nguồn kinh phí chi thường xuyên trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh.

2. Đơn vị sự nghiệp công lập do cơ quan có thẩm quyền của Nhà nước trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh thành lập theo quy định của pháp luật, có tư cách pháp nhân, cung cấp dịch vụ sự nghiệp công, phục vụ quản lý nhà nước.

3. Doanh nghiệp thuộc mọi thành phần kinh tế, tổ chức, đơn vị (bao gồm đơn vị sự nghiệp công lập không trực thuộc cơ quan được giao kinh phí để đặt hàng, đấu thầu cung cấp sản phẩm, dịch vụ công), hợp tác xã có tư cách pháp nhân, các cá nhân hành nghề độc lập, đăng ký kinh doanh theo quy định của pháp luật có chức năng cung ứng sản phẩm, dịch vụ công phù hợp với yêu cầu cung cấp sản phẩm, dịch vụ công của Nhà nước (sau đây gọi chung là nhà cung cấp dịch vụ sự nghiệp công khác; nhà sản xuất, cung ứng sản phẩm, dịch vụ công ích hoặc là nhà thầu trong trường hợp tham gia đấu thầu thực hiện theo quy định của pháp luật về đấu thầu); các cơ quan, tổ chức có liên quan đến việc tổ chức thực hiện và cung cấp sản phẩm, dịch vụ công trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh.

Chương II

QUY ĐỊNH CỤ THỂ

Điều 3. Nguyên tắc chung trong xác định chi phí và quản lý dịch vụ sự nghiệp công và dịch vụ công ích đô thị

1. Chi phí dịch vụ công phải được tính đúng, tính đủ, phù hợp với quy trình kỹ thuật, điều kiện thực hiện, giá cả thị trường, đối tượng thụ hưởng dịch vụ và khả năng cân đối của ngân sách địa phương.

2. Quyết định phê duyệt dự toán là cơ sở để thực hiện đặt hàng, đấu thầu, lựa chọn nhà thầu và là căn cứ để thương thảo, ký kết hợp đồng, thanh, quyết toán hợp đồng thực hiện.

3. Việc quản lý dịch vụ công phải tuân thủ các quy định của pháp luật hiện hành và phù hợp với ngân sách của địa phương.

4. Đơn vị được giao thực hiện lựa chọn nhà thầu cung ứng dịch vụ công phải đảm bảo công khai, minh bạch, đúng quy định của pháp luật hiện hành.

Điều 4. Dự toán chi phí dịch vụ sự nghiệp công và dịch vụ công ích đô thị

1. Cơ sở lập dự toán:

a) Danh mục chi tiết các dịch vụ sự nghiệp công, dịch vụ công ích đô thị được Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành.

b) Định mức, đơn giá dịch vụ sự nghiệp công, dịch vụ công ích đô thị do cơ quan có thẩm quyền ban hành hoặc công bố.

c) Trường hợp công tác đặc thù, có yêu cầu kỹ thuật và điều kiện thực hiện khác với định mức do cơ quan có thẩm quyền ban hành hoặc công tác chưa có định mức, đơn giá thì các cơ quan, đơn vị được giao quản lý dịch vụ công có thể

tham khảo vận dụng định mức, đơn giá có tính chất, yêu cầu kỹ thuật và điều kiện thực hiện phù hợp đã được các cơ quan có thẩm quyền (các Bộ, UBND các tỉnh, thành phố, cơ quan có thẩm quyền...) ban hành, công bố, phê duyệt hoặc tổ chức thuê đơn vị tư vấn có năng lực, kinh nghiệm để lập định mức dự toán và đơn giá dịch vụ công gửi về Sở Xây dựng để phối hợp với các cơ quan liên quan xem xét, thẩm định, trình Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành làm căn cứ thực hiện; kinh phí cho việc rà soát, xây dựng định mức, đơn giá, thuê tổ chức tư vấn được bố trí từ nguồn ngân sách hàng năm.

2. Dự toán dịch vụ sự nghiệp công, dịch vụ công ích đô thị:

Dự toán dịch vụ sự nghiệp công, dịch vụ công ích đô thị bao gồm: Chi phí dịch vụ công đô thị; chi phí quản lý, chi phí giám sát và một số chi phí hợp lý khác. Bao gồm:

a) Chi phí dịch vụ sự nghiệp công, dịch vụ công ích đô thị là tổng các dự toán chi tiết chi phí của từng loại công tác dịch vụ công, bao gồm các chi phí: Chi phí trực tiếp; chi phí quản lý chung; thu nhập chịu thuế tính trước; thuế giá trị gia tăng và chi phí dự phòng (nếu có) được xác định như sau:

Chi phí trực tiếp (gồm: chi phí vật liệu, chi phí nhân công và chi phí sử dụng xe, máy và thiết bị thi công) được xác định dựa trên khối lượng của từng loại công tác dịch vụ công nhân (x) với đơn giá của từng loại công tác dịch vụ công (bao gồm đơn giá vật liệu, đơn giá nhân công, đơn giá sử dụng xe, máy, thiết bị thi công) và do Ủy ban nhân dân tỉnh công bố hoặc lập trên cơ sở định mức do Bộ Xây dựng và các cơ quan có thẩm quyền ban hành.

Chi phí quản lý chung: Chi phí quản lý chung trong dự toán chi phí dịch vụ công được xác định bằng tỷ lệ phần trăm (%). Định mức tỷ lệ chi phí quản lý chung để xác định dự toán chi phí dịch vụ công theo bảng dưới đây:

Đơn vị tính: %

STT	Loại dịch vụ công ích	Khu vực áp dụng	
		Các phường nằm trong địa giới hành chính của thành phố Bắc Giang và thành phố Bắc Ninh cũ	Các xã/phường còn lại
I	Dịch vụ công ích đô thị		
1	Dịch vụ duy trì hệ thống thoát nước	20 (tính theo chi phí nhân công trực tiếp)	20 (tính theo chi phí nhân công trực tiếp)
2	Dịch vụ xử lý nước thải	15 (tính theo chi phí trực tiếp)	15 (tính theo chi phí trực tiếp)
3	Dịch vụ tang lễ, nghĩa trang đô thị	15 (tính theo chi phí trực tiếp)	15 (tính theo chi phí trực tiếp)
II	Dịch vụ sự nghiệp công đô thị		
3	Dịch vụ thu gom, phân loại, vận chuyển, xử lý chất thải, vệ sinh công cộng	45 (tính theo chi phí nhân công trực tiếp)	40 (tính theo chi phí nhân công trực tiếp)
4	Dịch vụ quản lý công viên, cây xanh, mặt nước; trồng và quản lý chăm sóc cây xanh, hoa cảnh trên các khu vực công cộng, mảng xanh đô thị, trụ sở các cơ quan hành chính cấp tỉnh, cấp xã	40 (tính theo chi phí nhân công trực tiếp)	35 (tính theo chi phí nhân công trực tiếp)
5	Dịch vụ duy trì hệ thống chiếu sáng đô thị	40 (tính theo chi phí nhân công trực tiếp)	35 (tính theo chi phí nhân công trực tiếp)

Đối với dịch vụ cây xanh và chiếu sáng đô thị có chi phí sử dụng xe, máy, thiết bị thi công > 60 % chi phí trực tiếp thì chi phí quản lý chung được xác định theo định mức tỷ lệ 4% chi phí xe, máy, thiết bị thi công.

Lợi nhuận định mức được tính với tỷ lệ 4% trên chi phí trực tiếp và chi phí quản lý chung trong dự toán chi phí thực hiện dịch vụ công ích đô thị.

Thuế giá trị gia tăng (nếu có): Thực hiện theo quy định hiện hành. Đối với một số dịch vụ công ích đô thị không thuộc đối tượng chịu thuế giá trị gia tăng được tính bổ sung thuế giá trị gia tăng của chi phí đầu vào.

Tổng hợp dự toán chi phí dịch vụ sự nghiệp công, dịch vụ công ích đô thị thực hiện theo Phụ lục số 1 kèm theo Thông tư số 12/2024/TT-BXD Hướng dẫn phương pháp xác định và quản lý chi phí dịch vụ sự nghiệp công chiếu sáng đô thị, cây xanh đô thị.

Phương pháp xác định dự toán chi phí dịch vụ sự nghiệp công, dịch vụ công ích đô thị thực hiện theo quy định tại Điều 5 Thông tư số 12/2024/TT-BXD (riêng phương pháp xác định giá dịch vụ xử lý chất thải rắn sinh hoạt đô thị áp dụng đối với nhà đầu tư và cung cấp dịch vụ xử lý chất thải rắn sinh hoạt được

xác định theo quy định tại Điều 31 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường).

b) Chi phí quản lý, giám sát dịch vụ sự nghiệp công, dịch vụ công ích đô thị

Chi phí quản lý dịch vụ sự nghiệp công, dịch vụ công ích đô thị được sử dụng để quản lý việc thực hiện và tổ chức thực hiện khảo sát, lập dự toán chi phí dịch vụ công phục vụ lập kế hoạch, lập dự toán ngân sách hàng năm; thu thập, đo đạc, thống kê, lưu trữ và cung cấp thông tin dữ liệu theo yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền; quản lý hợp đồng dịch vụ công; nghiệm thu, thanh toán, quyết toán hợp đồng dịch vụ công; và thực hiện các công việc cần thiết khác thuộc trách nhiệm của đơn vị được giao quản lý dịch vụ công. Tổ chức quản lý quá trình duy tu, bảo trì, bảo dưỡng, nâng cấp, duy trì dịch vụ công; đấu thầu, đặt hàng dịch vụ công; tổ chức thực hiện các công việc cần thiết khác khi được giao nhiệm vụ.

Chi phí giám sát dịch vụ sự nghiệp công, dịch vụ công ích đô thị được sử dụng để giám sát quá trình thực hiện dịch vụ công, gồm các công việc sau: kiểm tra, đơn đốc đơn vị cung cấp dịch vụ sự nghiệp công thực hiện theo tiến độ, khối lượng, chất lượng và các nội dung khác nêu tại hợp đồng dịch vụ sự nghiệp công; yêu cầu đơn vị cung cấp dịch vụ tạm ngừng thực hiện công việc khi xét thấy chất lượng dịch vụ không đảm bảo yêu cầu kỹ thuật, mỹ thuật, hoặc có nguy cơ không đảm bảo an toàn; kiểm tra, đánh giá khối lượng, chất lượng công việc hoàn thành; thực hiện công tác nghiệm thu công việc hoàn thành phục vụ thanh toán, quyết toán hợp đồng dịch vụ công.

Nội dung chi phí quản lý, giám sát dịch vụ sự nghiệp công, dịch vụ công ích đô thị gồm: tiền lương của cán bộ thuộc biên chế của đơn vị, tiền công trả cho người lao động theo hợp đồng; các khoản phụ cấp; khen thưởng, phúc lợi; các khoản đóng góp (bảo hiểm xã hội; bảo hiểm y tế; bảo hiểm thất nghiệp; kinh phí công đoàn, trích nộp khác theo quy định của pháp luật); làm thêm giờ; đào tạo nâng cao năng lực cán bộ; thanh toán các dịch vụ công cộng; vật tư, văn phòng phẩm; thông tin, tuyên truyền, liên lạc; tổ chức hội nghị có liên quan; công tác phí; chi phí nghiên cứu, ứng dụng khoa học kỹ thuật; chi phí thuê mướn, sửa chữa, mua sắm tài sản phục vụ quản lý (nếu có) và một số chi phí trực tiếp khác có liên quan.

Dự toán chi phí giám sát, chi phí quản lý dịch vụ sự nghiệp công, dịch vụ công ích đô thị được xác định trên cơ sở lập dự toán theo các nội dung nêu trên, đảm bảo phù hợp với chức năng, nhiệm vụ, mô hình tổ chức hoạt động của các đơn vị thực hiện quản lý, giám sát; thời gian thực hiện, phạm vi, quy mô, giá trị khối lượng, nội dung và đặc điểm công việc phải thực hiện. Dự toán chi phí giám sát, chi phí quản lý dịch vụ công được thẩm định, phê duyệt cùng dự toán chi phí dịch vụ công hàng năm.

3. Cơ quan, đơn vị được giao tổ chức lập dự toán chi phí dịch vụ sự nghiệp công, dịch vụ công ích đô thị được thuê đơn vị tư vấn có năng lực, kinh nghiệm để xây dựng, thẩm tra dự toán chi phí dịch vụ công phục vụ công tác thẩm định

và quản lý chi phí. Chi phí thuê tổ chức, cá nhân tư vấn được xác định bằng dự toán chi phí phù hợp với nội dung, yêu cầu của công việc cần thực hiện.

Điều 5. Dự toán chi phí dịch vụ sự nghiệp công lĩnh vực xây dựng khác

1. Dự toán chi phí tư vấn thực hiện dịch vụ sự nghiệp công lĩnh vực xây dựng khác gồm các khoản chi phí: Chi phí chuyên gia; chi phí quản lý; chi phí khác; thu nhập chịu thuế tính trước; thuế giá trị gia tăng và chi phí dự phòng (nếu có). Các khoản chi phí được xác định cụ thể theo quy định tại Mục II, Phụ lục VI ban hành kèm theo Thông tư số 11/2021/TT-BXD Hướng dẫn một số nội dung xác định và quản lý chi phí đầu tư xây dựng và khoản 4 Điều 11 Thông tư số 09/2025/TT-BXD Sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng liên quan đến sắp xếp tổ chức bộ máy, thực hiện chính quyền địa phương hai cấp và phân cấp cho chính quyền địa phương.

2. Chi phí tư vấn thực hiện dịch vụ sự nghiệp công lĩnh vực xây dựng khác được xác định theo định mức tỷ lệ phần trăm (%) quy định tại Thông tư ban hành định mức xây dựng hoặc bằng phương pháp lập dự toán trên cơ sở phạm vi công việc tư vấn, khối lượng công việc phải thực hiện, kế hoạch thực hiện dịch vụ công và các quy định về chế độ, chính sách do nhà nước ban hành.

3. Chi phí tư vấn đã phê duyệt là chi phí tối đa để thực hiện công tác tư vấn thực hiện dịch vụ công và chỉ được điều chỉnh khi thay đổi về phạm vi công việc, điều kiện và tiến độ thực hiện công tác tư vấn. Chi phí tư vấn thực hiện dịch vụ công được quản lý thông qua hợp đồng tư vấn.

Điều 6. Thẩm quyền lập, thẩm định và phê duyệt dự toán chi phí dịch vụ sự nghiệp công, dịch vụ công ích đô thị

1. Đối với dịch vụ duy trì hệ thống thoát nước đô thị:

Đơn vị được Ủy ban nhân dân tỉnh giao quản lý tài sản kết cấu hạ tầng thoát nước đô thị có trách nhiệm quản lý, giám sát việc thực hiện dịch vụ duy trì hệ thống thoát nước đô thị được giao quản lý; lập, phê duyệt kế hoạch tổ chức thực hiện và chủ trì tổ chức lập dự toán hoặc phân công cho cơ quan, đơn vị trực thuộc lập dự toán; tổ chức thẩm định và phê duyệt dự toán. Gửi quyết định phê duyệt dự toán về Sở Tài chính để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh trước ngày 30/9 hằng năm (hoặc trước ngày 30/9 của năm trước năm Kế hoạch).

Trong quá trình thẩm định, cơ quan chủ trì thẩm định gửi văn bản xin ý kiến thẩm định của các Sở chuyên ngành, Ủy ban nhân dân cấp xã có liên quan. Tổng hợp ý kiến của các cơ quan liên quan, thực hiện các yêu cầu (nếu có) để hoàn thiện hồ sơ dự toán trước khi phê duyệt.

2. Đối với dịch vụ xử lý nước thải tại các đô thị, các khu công nghiệp, khu kinh tế, khu chế xuất, khu công nghệ cao (sau đây gọi tắt là khu công nghiệp), khu dân cư nông thôn tập trung:

Đơn vị được giao quản lý tài sản kết cấu hạ tầng trạm xử lý nước thải do Nhà nước đầu tư nhưng chưa có nguồn thu phí dịch vụ xử lý nước thải có trách nhiệm tổ chức lập, thẩm định và phê duyệt dự toán chi phí dịch vụ xử lý nước thải. Gửi

quyết định phê duyệt dự toán về Sở Tài chính để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh trước ngày 30/9 hằng năm (hoặc trước ngày 30/9 của năm trước năm Kế hoạch).

Trong quá trình thẩm định, cơ quan chủ trì thẩm định gửi văn bản xin ý kiến thẩm định của các Sở chuyên ngành. Tổng hợp ý kiến của các cơ quan liên quan, thực hiện các yêu cầu (nếu có) để hoàn thiện hồ sơ dự toán trước khi phê duyệt.

3. Đối với các dịch vụ sự nghiệp công, dịch vụ công ích đô thị khác (gồm: Dịch vụ tang lễ, nghĩa trang đô thị; dịch vụ thu gom, phân loại, vận chuyển, xử lý chất thải, vệ sinh công cộng; dịch vụ quản lý công viên, cây xanh, mặt nước; trồng và quản lý chăm sóc cây xanh, hoa cảnh trên các khu vực công cộng, mảng xanh đô thị, trụ sở các cơ quan hành chính cấp tỉnh, cấp xã; dịch vụ duy trì hệ thống chiếu sáng đô thị):

a) Ủy ban nhân dân cấp xã giao cho Trung tâm cung ứng dịch vụ sự nghiệp công chủ trì tổ chức lập, phê duyệt kế hoạch tổ chức thực hiện dịch vụ sự nghiệp công, dịch vụ công ích đô thị trên địa bàn; lập dự toán chi phí dịch vụ sự nghiệp công, dịch vụ công ích đô thị cùng thời điểm lập dự toán ngân sách và tổng hợp trong dự toán ngân sách của đơn vị, gửi Phòng Kinh tế, hạ tầng và đô thị thẩm định.

b) Ủy ban nhân dân cấp xã phê duyệt dự toán chi phí dịch vụ sự nghiệp công, dịch vụ công ích đô thị và gửi Quyết định phê duyệt về Sở Tài chính để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh trước ngày 30/9 hằng năm (hoặc trước ngày 30/9 của năm trước năm Kế hoạch).

4. Đối với các dịch vụ sự nghiệp công sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước thuộc lĩnh vực xây dựng khác:

Cơ quan, đơn vị được giao kinh phí thực hiện dịch vụ sự nghiệp công tổ chức lập, thẩm định và phê duyệt dự toán chi phí dịch vụ sự nghiệp công. Sau khi có kết quả phê duyệt triển khai thực hiện các bước tiếp theo đúng quy định.

Điều 7. Phương thức thực hiện dịch vụ sự nghiệp công, dịch vụ công ích đô thị

Sau khi có quyết định phê duyệt dự toán chi phí dịch vụ sự nghiệp công, dịch vụ công ích đô thị, dự toán chi phí giám sát, chi phí quản lý dịch vụ sự nghiệp công, dịch vụ công ích đô thị, đơn vị được giao nhiệm vụ tổ chức thực hiện dịch vụ sự nghiệp công, dịch vụ công ích đô thị tổ chức lựa chọn đơn vị thực hiện cung ứng dịch vụ theo quy định sau:

1. Đặt hàng: Áp dụng đối với tất cả dịch vụ sự nghiệp công, dịch vụ công ích đô thị sử dụng ngân sách nhà nước từ nguồn kinh phí chi thường xuyên quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 1 Quy định này khi đảm bảo các điều kiện tại khoản 4 Điều 143 Nghị định số 214/2025/NĐ-CP ngày 04/8/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu.

2. Đấu thầu: Đối với dịch vụ công quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 1 Quy định này đáp ứng điều kiện đặt hàng theo quy định mà đơn vị được giao nhiệm vụ tổ chức thực hiện dịch vụ sự nghiệp công, dịch vụ công ích đô thị quyết định không áp dụng hình thức đặt hàng thì được áp dụng một trong các hình thức lựa chọn nhà thầu khác theo quy định của pháp luật về đấu thầu.

3. Quy trình đặt hàng cung cấp dịch vụ công thực hiện theo quy định tại khoản 5 Điều 143 Nghị định số 214/2025/NĐ-CP ngày 04/8/2025 của Chính phủ; quy trình đấu thầu cung cấp dịch vụ công thực hiện theo quy định của Luật Đấu thầu và các quy định hiện hành về đấu thầu.

Điều 8. Nghiệm thu khối lượng, chất lượng dịch vụ sự nghiệp công, dịch vụ công ích đô thị

1. Công tác nghiệm thu khối lượng, chất lượng dịch vụ sự nghiệp công, dịch vụ công ích đô thị được tổ chức định kỳ hoặc đột xuất theo hợp đồng đã được ký kết. Khi kết thúc các nhiệm vụ theo hợp đồng, cơ quan, đơn vị được giao thực hiện dịch vụ sự nghiệp công, dịch vụ công ích đô thị có trách nhiệm tổ chức nghiệm thu và thanh lý hợp đồng theo đúng quy định.

2. Phương thức nghiệm thu khối lượng, chất lượng sản phẩm, dịch vụ công được tổ chức định kỳ theo quy định, hoặc đột xuất theo thỏa thuận hợp đồng đã được ký kết.

3. Hồ sơ nghiệm thu

Hồ sơ nghiệm thu bao gồm: Sổ nhật ký, biên bản nghiệm thu sản phẩm theo quy định của cấp có thẩm quyền; biên bản nghiệm thu đặt hàng theo từng năm (theo Mẫu số 02, 04 kèm theo Nghị định số 32/2019/NĐ-CP).

Nội dung nghiệm thu phải chi tiết cho từng sản phẩm, dịch vụ công, phải thể hiện đầy đủ các tiêu chí: khối lượng đã thực hiện; chất lượng công việc đã hoàn thành; thông số kỹ thuật theo đúng quy định.

4. Thời gian nghiệm thu

a) Đối với công việc mang tính chất thường xuyên:

Nghiệm thu theo ngày bằng hình thức sổ nhật ký: đơn vị cung ứng sản phẩm, dịch vụ công tự tổ chức ghi sổ nhật ký và nghiệm thu nội bộ.

Nghiệm thu tháng: Thời gian từ ngày 01 đến ngày 05 của tháng tiếp theo; thời gian nghiệm thu tháng cuối quý thực hiện cùng thời điểm nghiệm thu hàng quý gồm cán bộ giám sát của chủ đầu tư (Ủy ban nhân dân cấp xã hoặc các đơn vị được giao làm chủ đầu tư) và đại diện đơn vị thực hiện hợp đồng sản phẩm, dịch vụ công.

Nghiệm thu định kỳ hàng quý: Thời gian từ ngày 01 đến ngày 05 của tháng tiếp theo tháng cuối quý.

Nghiệm thu giá trị thực hiện sản phẩm, dịch vụ công hàng năm: Nghiệm thu vào tuần đầu tiên của năm tiếp theo trên cơ sở hợp đồng đã ký (thời gian để tính 01 năm bắt đầu từ ngày ký hợp đồng).

b) Đối với công việc mang tính chất không thường xuyên

Chủ đầu tư chủ trì phối hợp với đơn vị thực hiện cung ứng dịch vụ sự nghiệp công, dịch vụ công ích tổ chức nghiệm thu theo tiến độ hợp đồng đã ký kết.

c) Yêu cầu trong công tác nghiệm thu

Nghiệm thu đảm bảo đúng thực tế, đúng thời điểm và kịp thời, các yêu cầu về kỹ thuật theo đúng quy định hiện hành của nhà nước.

Điều 9. Nguyên tắc tạm ứng, thanh toán, quyết toán

Tạm ứng, thanh toán và quyết toán hợp đồng cung ứng dịch vụ sự nghiệp công, dịch vụ công ích đô thị được thực hiện theo quy định tại khoản 2, Điều 24, Điều 25, Nghị định số 32/2019/NĐ-CP và theo các quy định hiện hành về hợp đồng của nhà nước.

Chương III

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 10. Trách nhiệm của Sở Xây dựng

1. Chủ trì thẩm định và tham mưu cho Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành định mức kinh tế - kỹ thuật hoặc sửa đổi, bổ sung định mức kinh tế - kỹ thuật liên quan đến các dịch vụ sự nghiệp công, dịch vụ công ích đô thị không có trong hệ thống định mức do Bộ Xây dựng và các cơ quan có thẩm quyền ban hành (trừ định mức kinh tế kỹ thuật dịch vụ thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải rắn sinh hoạt) làm cơ sở ban hành giá dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước theo quy định của pháp luật về giá và quy định pháp luật khác có liên quan.

2. Chủ trì tổ chức lập và trình Ủy ban nhân dân tỉnh công bố đơn giá dịch vụ công ích đô thị (trừ đơn giá dịch vụ thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải rắn sinh hoạt) để lập, phê duyệt dự toán chi phí, làm cơ sở đặt hàng hoặc đấu thầu cung ứng dịch vụ sự nghiệp công theo quy định. Hướng dẫn các cơ quan, đơn vị được giao thực hiện dịch vụ sự nghiệp công, dịch vụ công ích đô thị trong việc áp dụng, vận dụng các định mức, đơn giá sản phẩm, dịch vụ sự nghiệp công tại Điều 1, Quy định này trên địa bàn tỉnh.

3. Hướng dẫn Ủy ban nhân dân cấp xã thực hiện công tác quy hoạch, đầu tư xây dựng; quản lý, bảo trì các công trình kết cấu hạ tầng đô thị về thoát nước, chiếu sáng, xử lý rác thải, nước thải, cây xanh, mặt nước, công viên, mảng xanh công cộng; nhà tang lễ, nghĩa trang.

Điều 11. Trách nhiệm của Sở Tài chính

1. Chủ trì tham mưu cho Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định giao dự toán cho các cơ quan, đơn vị sự nghiệp công thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh để thực hiện các dịch vụ sự nghiệp công, dịch vụ công ích đô thị sử dụng ngân sách nhà nước từ nguồn kinh phí chi thường xuyên trong phạm vi cân đối của ngân sách tỉnh.

2. Chủ trì, phối hợp với các ngành liên quan tham mưu cho Ủy ban nhân dân tỉnh ban giao quản lý tài sản kết cấu hạ tầng cho các cơ quan, đơn vị sự nghiệp công thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh quản lý. Hướng dẫn các cơ quan, đơn vị sự nghiệp công và UBND cấp xã các nội dung liên quan đến quản lý tài sản kết cấu

hạ tầng sau tiếp nhận đối với các công trình, hạng mục công trình mà đơn vị tiếp nhận thực hiện quản lý theo pháp luật về quản lý tài sản công.

Điều 12. Trách nhiệm của Sở Nông nghiệp và Môi trường

1. Chủ trì tham mưu cho Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành định mức kinh tế - kỹ thuật hoặc sửa đổi, bổ sung định mức kinh tế - kỹ thuật dịch vụ thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải rắn sinh hoạt không có trong hệ thống định mức do Bộ Nông nghiệp và Môi trường ban hành làm cơ sở ban hành giá dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước theo quy định của pháp luật về giá và quy định pháp luật khác có liên quan.

2. Chủ trì tổ chức lập và trình Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành đơn giá dịch vụ thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải rắn sinh hoạt. Hướng dẫn, các cơ quan, đơn vị được giao thực hiện dịch vụ sự nghiệp công trong việc áp dụng, vận dụng các định mức kinh tế kỹ thuật, đơn giá dịch vụ thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn tỉnh.

Điều 13. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp xã

1. Tổ chức lập, phê duyệt kế hoạch tổ chức thực hiện, quy chế, quy trình quản lý, duy trì kết cấu hạ tầng công ích đô thị các dịch vụ sự nghiệp công, dịch vụ công ích đô thị trên địa bàn do cấp mình quản lý.

2. Tổ chức lập, thẩm định, phê duyệt dự toán dịch vụ công ích đô thị; dự toán chi phí giám sát, dự toán chi phí quản lý dịch vụ công ích đô thị bố trí từ nguồn ngân sách cấp xã theo quy định.

3. Tổ chức lựa chọn và ký hợp đồng cung ứng dịch vụ sự nghiệp công, dịch vụ công ích đô thị; quản lý, giám sát quá trình thực hiện hợp đồng về quy trình, khối lượng, thời gian và chất lượng đối với các dịch vụ sự nghiệp công, dịch vụ công ích đô thị do cơ quan, đơn vị cung ứng sản phẩm, dịch vụ công thực hiện trên địa bàn được giao quản lý. Tổ chức nghiệm thu, phê duyệt quyết toán hợp đồng cung ứng dịch vụ sự nghiệp công, dịch vụ công ích đô thị theo quy định.

4. Thực hiện việc tiếp nhận bàn giao, quản lý các công trình, hạng mục công trình kết cấu hạ tầng trên địa bàn được nhà nước đầu tư hoặc các chủ đầu tư chuyển giao theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công; tổ chức cung cấp dịch vụ công hoặc lựa chọn đơn vị để quản lý, vận hành, khai thác sử dụng, bảo trì công trình sau bàn giao theo đúng quy định của pháp luật về cung cấp sản phẩm, dịch vụ công.

Điều 14. Trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị được giao thực hiện các dịch vụ sự nghiệp công, dịch vụ công ích đô thị

1. Tổ chức lập, phê duyệt kế hoạch tổ chức thực hiện các dịch vụ sự nghiệp công, dịch vụ công ích đô thị trên địa bàn được giao quản lý theo định kỳ hàng năm. Phối hợp với Sở Tài chính trong việc cân đối nguồn ngân sách tỉnh để thực hiện các dịch vụ sự nghiệp công, dịch vụ công ích đô thị sử dụng ngân sách nhà nước từ nguồn kinh phí chi thường xuyên.

2. Tổ chức lập, phê duyệt quy trình quản lý, duy trì kết cấu hạ tầng công ích đô thị, dự toán dịch vụ công; lập, thẩm định, phê duyệt dự toán chi phí giám sát, dự toán chi phí quản lý dịch vụ công bố trí từ nguồn ngân sách cấp tỉnh theo quy định. Tự thực hiện hoặc lựa chọn và ký hợp đồng thực hiện sản phẩm, dịch vụ công với đơn vị cung ứng dịch vụ sản phẩm, dịch vụ công.

3. Quản lý, giám sát quá trình thực hiện hợp đồng cả về quy trình, khối lượng, thời gian và chất lượng đối với các sản phẩm, dịch vụ công do tổ chức, cá nhân, doanh nghiệp thực hiện đối với nội dung công việc được giao quản lý, thực hiện. Thực hiện công tác báo cáo tình hình, kết quả triển thực hiện các dịch vụ công theo định kỳ tháng (trước ngày 25 hàng tháng), quý (trước ngày 20 của tháng cuối quý), năm (trước ngày 15 tháng 12 hàng năm) gửi về Sở Tài chính, Sở Xây dựng để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh.

4. Tổ chức thiết lập và quản lý cơ sở dữ liệu về kết cấu hạ tầng kỹ thuật được giao quản lý, vận hành và khai thác.

Điều 15. Trách nhiệm của các đơn vị cung ứng dịch vụ sự nghiệp công, dịch vụ công ích đô thị

1. Tổ chức cung ứng dịch vụ sự nghiệp công, dịch vụ công ích đô thị đảm bảo quy trình kỹ thuật, chất lượng, tiến độ theo đúng hợp đồng đã ký kết.

2. Chịu trách nhiệm trước pháp luật về đảm bảo an toàn lao động và an toàn giao thông trong quá trình thực hiện cung ứng dịch vụ công.

3. Thực hiện nghiêm các quy định về quản lý đô thị, giữ gìn, bảo vệ tài sản nhà nước trong quá trình cung ứng dịch vụ sự nghiệp công, dịch vụ công ích đô thị. Phối hợp với các đơn vị sự nghiệp công và cơ quan quản lý nhà nước trong việc thiết lập cơ sở dữ liệu về kết cấu hạ tầng kỹ thuật.

4. Chấp hành việc kiểm tra, giám sát của các cơ quan chức năng trong quá trình thực hiện cung ứng các dịch vụ sự nghiệp công, dịch vụ công ích đô thị. Phản ánh kịp thời với các cơ quan chuyên môn trực thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh hoặc Ủy ban nhân dân cấp xã những tồn tại khó khăn, vướng mắc trong quá trình thực hiện.

Điều 16. Điều khoản thi hành

1. Xử lý chuyển tiếp: Đối với dịch vụ sự nghiệp công, dịch vụ công ích đô thị sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước; sản phẩm, dịch vụ công đã được đặt hàng hoặc đã tổ chức đấu thầu thực hiện trước ngày Quyết định này có hiệu lực thi hành thì tiếp tục thực hiện theo quy định tại Nghị định số 32/2019/NĐ-CP Quy định giao nhiệm vụ, đặt hàng hoặc đấu thầu cung cấp sản phẩm, dịch vụ công sử dụng ngân sách nhà nước từ nguồn kinh phí chi thường xuyên cho đến khi thanh lý hợp đồng đặt hàng, đấu thầu.

2. Trong quá trình thực hiện Quy định này, nếu có phát sinh vướng mắc yêu cầu các Sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân cấp xã, các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân phản ánh kịp thời về Sở Xây dựng để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định./.